

QUAN HỆ NGOẠI GIAO ĐẠI VIỆT DƯỚI THỜI VUA LÊ THÁNH TÔNG (1460 – 1497)

DIPLOMATIC RELATIONS OF DAI VIET UNDER THE DYNASTY OF LE THANH TONG (1460 – 1497)

Phạm Đức Thuận

Trường Đại học Cần Thơ; pdthuan@ctu.edu.vn

Tóm tắt - Trong lịch sử Việt Nam, nhà Lê Sơ (giai đoạn từ năm 1428 đến năm 1527) đã để lại nhiều thành tựu quan trọng về ngoại giao, nhất là dưới triều vua Lê Thánh Tông (1460 – 1497). Trong giai đoạn đó, chính sách ngoại giao của triều vua Lê Thánh Tông, chủ yếu thông qua mối quan hệ ngoại giao với 3 nước Chiêm Thành, Lão Qua và Đại Minh đã từng bước thu được nhiều thắng lợi, góp phần to lớn vào quá trình Nam tiến cũng như củng cố biên giới phía Bắc của nhà nước quân chủ Đại Việt vào thế kỷ XV. Nghiên cứu về quan hệ ngoại giao Đại Việt dưới triều vua Lê Thánh Tông góp phần làm rõ thêm một khía cạnh quan trọng của triều đại này, một trong những giai đoạn phát triển rực rỡ của lịch sử Việt Nam thời trung đại.

Từ khóa - ngoại giao; Đại Việt; nhà Hậu Lê; Lê Thánh Tông; 1460 - 1497

Abstract - In the history of Vietnam, the Pre-Le dynasty, especially in the period from 1428 to 1527, had the most important diplomatic achievements under the reign of King Le Thanh Tong (1460 - 1497). In the period of 1460 - 1497, the foreign policy of King Le Thanh Tong, mainly through diplomatic relations with Champa, Lang Xang and Dai Minh, gradually gained great success, contributing greatly to the process "Nam Tien" (Advancing towards the South), as well as reinforcing the northern border of the feudal country of Vietnam in the 15th century. The study on Dai Viet's diplomatic relations during the reign of King Le Thanh Tong contributes to clarifying an important aspect of this dynasty, one of the most brilliant periods in Vietnamese feudal history.

Key words - diplomatic relations; Dai Viet; the post- Le dynasty; Le Thanh Tong; 1460 - 1497

1. Đặt vấn đề

Vua Lê Thánh Tông (Lê Tư Thành) là con thứ tư của vua Lê Thái Tông và là em của vua Lê Nhân Tông. Sau một thời kỳ rối ren bởi các biến động trong cung đình nhà Lê thì đến giữa năm 1460, các đại thần nhà Lê dẹp được loạn Lê Nghi Dân, đưa Lê Tư Thành lên ngôi vua. Năm 1470, vua Lê Thánh Tông đặt niên hiệu là Hồng Đức, tiến hành hàng loạt các cải cách quan trọng, nhờ vậy mà dưới thời kỳ trị vì của ông, Đại Việt có sự phát triển lớn mạnh. Trong giai đoạn đó, quan hệ ngoại giao với các quốc gia xung quanh như nhà Minh, Chiêm Thành, Lão Qua có nhiều sự kiện nổi bật, chủ yếu diễn ra thông qua các hoạt động quân sự để mở rộng lãnh thổ, trong đó đáng chú ý là cuộc chiến tranh giữa Đại Việt với Chiêm Thành, giữa Đại Việt với Lão Qua và những sách lược ngoại giao đối với nhà Minh. Sách lược ngoại giao dưới thời vua Lê Thánh Tông đã góp phần quan trọng vào công cuộc mở mang bờ cõi của đất nước về phía Nam và từng bước củng cố vững chắc biên giới, lãnh thổ ở phía Bắc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan hệ Đại Việt – Chiêm Thành

Dưới triều vua Lê Nhân Tông, vào các năm 1444, 1445 và 1446¹, giữa Đại Việt và Chiêm Thành đã xảy ra những xung đột về quân sự. Đến triều vua Lê Thánh Tông, mâu thuẫn giữa hai nước ngày càng căng thẳng, cụ thể vào tháng 8 năm 1470: “Quốc vương Chiêm Thành Bàn La Trà Toàn thân hành đem hơn 10 vạn quân thủy bộ cùng voi ngựa đánh úp châu Hóa. Tướng trấn giữ biên thùy ở châu Hóa

là bọn Phạm Văn Hiến đánh không nổi phải dồn cả dân vào thành, rồi cho chạy thư cáo cấp” [4, tr. 467]. Đối phó lại, tháng 10 năm 1470, vua Lê Thánh Tông cho người sang báo với nhà Minh việc Chiêm Thành đánh phá vùng biên giới vì lúc này Chiêm Thành có mối quan hệ khá tốt với nhà Minh, nhà Minh phong Vương cho vua Chiêm Thành, bên cạnh đó, vua Lê Thánh Tông chuẩn bị cho đợt tiến công vào Chiêm Thành. Tháng 11 năm 1470, vua Lê Thánh Tông đích thân dẫn quân đánh Chiêm Thành, trong tấu cáo ở Thái Miếu, vua Lê Thánh Tông đã nêu rõ lý do của cuộc hành quân tấn công Chiêm Thành: “Chỉ vì giặc Chiêm Thành điên cuồng dòm ngó nước ta, trước thì đánh cướp châu Hóa để hùng chiếm đoạt đất đai, sau lại sang báo nhà Minh, âm mưu diệt hết tông miếu... Thân bất đắc dĩ, theo nguyện vọng của mọi người đem đại quân đi hỏi tội. Giáp binh rầm rập kéo ra ngoài cõi, uy quyền mây may không mượn tay ai” [4, tr. 472].

Ngày 6 tháng 11 năm 1470 (AL), vua Lê Thánh Tông sai Đinh Liệt, Lê Niệm mang 10 vạn quân đi trước. Mười ngày sau, ngày 16 tháng 11, vua Lê Thánh Tông chỉ huy 15 vạn thủy quân đi sau. Đầu năm 1471, quân đội nhà Lê tấn công vào Chiêm Thành, phá hủy nhiều kho tàng, căn cứ, quân Chiêm bỏ chạy, lui về thành Chà Bàn². Vua Chiêm Thành là Trà Toàn sợ hãi dâng biểu xin hàng. Ngày 1 tháng 3 (AL), quân nhà Lê bắt sống Trà Toàn, kết thúc cuộc chiến tranh Đại Việt – Chiêm Thành trong hai năm 1470 – 1471. Vua Lê Thánh Tông đưa Trà Toàn về Thăng Long, trên đường đi Trà Toàn chết³. Không lâu sau đó, em của Trà Toàn là Trà Toại xin nhà Minh phong vương, không chịu thần phục Đại Việt, vua Lê Thánh Tông sai Lê

¹Dưới thời vua Lê Nhân Tông, quân đội nhà Lê tấn công Chiêm Thành bắt được vua Chiêm Thành là Bí Cai mang về Thăng Long

²An Nhơn, Bình Định ngày nay

³Theo Đại Việt sử ký toàn thư chép: “Ngày mồng 8, vua đến sông Phi Lai (Nga Sơn - Thanh Hóa). Chúa Chiêm Trà Toàn vì lo lắng thành bệch, đến đây thì chết” [4, tr. 478]

Niệm đưa quân tiến đánh, bắt Trà Toại giải về Thăng Long.

Để chấm dứt sự phản kháng và làm suy yếu Chiêm Thành, ngày 2 tháng 3 năm 1471 (AL), vua Lê Thánh Tông phong vương cho Bồ Trì Trì ở Phan Lung, tiếp tục chia đất, phong vương các đất còn lại của Chiêm Thành cho các quý tộc Chiêm Thành quy hàng ở hai vùng là Hoa Anh và Nam Bàn⁴. Để bênh vực Chiêm Thành, nhà Minh cho gửi thư đến dò xét, Minh sử chép: “*Triều đình chiếu cho quan trấn thủ cắt vản, (Hạo)⁵ bèn đem lời gian dối mà đáp. Triều đình chỉ muốn qua loa cho yên, tuy giáng nhiều sắc dụ, nhưng không đủ lời nghiêm khắc, Hạo càng thêm khinh nhờn không sợ hãi gì, nói: “Vua Chiêm Thành là Bàn La Trà Toàn xâm phạm đạo Hóa Châu, bị em là Bàn La Trà Duyệt (Trà Toại) giết chết mà tự lập⁶. Nước ấy tự loạn, chẳng phải là tội của thần Hạo này”. Triều đình biết là dối trá, nhưng không thể cắt vản, chỉ khuyên Hạo trả lại đất đai nước ấy. Hạo tâu rằng: “Chiêm Thành chẳng phải là đất màu mỡ, trong nhà ít tích lũy, ngoài nội tuyệt dẫu gai. Núi không vàng ngọc để thu, biển ít ngư diêm lấy lợi, chỉ sản gà voi, tê giác, ô mộc, trầm hương. Được đất ấy cũng không thể ở, được dân ấy cũng không thể dùng, được của ấy cũng chẳng đủ giàu, ấy là nguyên cớ mà thần chẳng xâm đoạt Chiêm Thành vậy. Thánh chiếu bắt thần trả lại đất đai nước ấy, vậy xin cho sứ giả triều đình đến vạch biên giới, để biên thủy hai nước được yên ổn thì thần không mong gì hơn”. Bấy giờ Chiêm Thành đã bị chiếm cứ từ lâu mà lời lẽ còn hoang đường đến vậy*” [2, tr. 110]. Thông qua nguồn sử liệu này, có thể nhận thấy quyết tâm của vua Lê Thánh Tông trong việc mở rộng lãnh thổ về phía Nam của Đại Việt.

Đến đây, Chiêm Thành về cơ bản không còn là một quốc gia thống nhất như trước mà trở thành một quốc gia bị chia cắt bởi các thế lực khác nhau theo ý đồ của vua Lê Thánh Tông. Vua Lê Thánh Tông về cơ bản đã bình định được vùng đất phía Nam Đại Việt, mở rộng lãnh thổ từ phía Nam đèo Ngang đến tận vùng Phú Yên ngày nay. Có thể nhận thấy quan hệ ngoại giao Đại Việt – Chiêm Thành trong thời gian Lê Thánh Tông trị vì là toàn bộ những cuộc hành quân do vua Lê Thánh Tông tiến hành tấn công vào lãnh thổ Chiêm Thành, buộc nước này phải thần phục và đi một bước xa hơn là cơ bản làm suy yếu toàn diện nước Chiêm Thành. Theo Phan Huy Lê thì: “*thất bại này đánh dấu một bước ngoặt trong quá trình suy vong của vương quốc Champa*” [3, tr. 372].

2.2. Quan hệ Đại Việt – Lão Qua

Quan hệ Đại Việt – Lão Qua⁷ xoay quanh vấn đề tiêu quốc Bồn Man⁸. Thời Trần, Bồn Man vốn là vùng nội thuộc nhà Trần, tuy nhiên về sau Bồn Man dần ngã về Lão Qua, dựa vào Lão Qua để gay hấn ở vùng biên giới phía Tây Đại Việt. Từ đầu năm 1478, Lư Cầm Công, thủ lĩnh Bồn Man

mang quân đánh phá vùng biên giới phía Tây Nghệ An. Ngày 7 tháng 6 năm 1478 (AL), vua Lê Thánh Tông xuống chiếu tấn công Bồn Man, chiếu ghi rõ: “*Giặc Bồn Man Cầm Công ở lân ngoài cõi xa xăm. Bỏ chức phiến thần mà lười dăng lễ cống; mang lòng lừa trời mà làm nhục sử thần. Trước còn ôm đầu chạy trốn, nín thở nấu mình; sau lại vẫy đuôi kêu thương vội vàng nộp đất. Trẫm thương lương dân sống một phương, tha cho tội ác đáng muôn chết. Đặt quận huyện để trị biên cương; đổi áo xiêm mà trao quan tước. Nhưng nó vẫn ngoan ngu, buông lòng tham sâu. Lộng hành quyền binh, chém giết tứ tung; bán cả ruộng dân, vợ vệt tiền của... Trong tin lời yêu tăng gian tà, ngoài dựa tiếng Lão Qua tiếp viện. Chết sứ Nguyễn Tử Nghi hơn vài mươi bọ, trăm cách chống lại mà không nghe; đại thần Vương Văn Đán hơn hai chục người, bổng chốc đánh giết mà chẳng nề. Lại còn đào hào, sửa giáp, phục kích, đóng đồn. Huống chi tên đầu sỏ Cầm Công, thói đồ kỵ ngày càng quá quắt. Nó xé xác quan ấp tể của ta, nó bãm vằm quân đồn trú của ta*” [4, tr. 503]. Như vậy, trong chiếu thư vua Lê Thánh Tông đã chỉ rõ việc cử các sứ thần sang Lão Qua bàn về việc Bồn Man nhưng bị vua Lão Qua bắt giam, giết hại, điều này đã buộc vua Lê Thánh Tông đặt quyết tâm lớn trong việc đánh Lão Qua, vừa để chứng tỏ uy thế của triều Lê với Lão Qua, vừa buộc Bồn Man phải thần phục như trước.

Ngày 22 tháng 7 năm 1478 (AL), sau khi xuống chiếu đánh Bồn Man, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu đánh Lão Qua, khẳng định: “*Duy nước Lão Qua kia, giáp giới cõi tây. Đương khi Thánh Tổ dẹp giặc Ngô cuồng bạo, đã nhóm sơ hở đánh úp quân ta... Sang cướp châu Lang Chánh, sang quấy phủ An Tây... Sứ của nó sang thông thì ta hậu đãi cho về, quan của ta giao thiệp, nó lại bắt giữ bỏ ngục. Đến nước tên Cầm Công trong khi ẩn nấu, nó đã giúp đỡ bao che và lúc tên Cầm Công trở mặt cắn càn, nó lại cho quân tiếp sức. Xâu xé bờ cõi ta, chiếm lấn đất đai ta. Đây dẫu chỉ là mối lo một thời nơi cương giới, mà thực là mối thù muôn kiếp của nước nhà...*” [4, tr. 504].

Ngày 23 tháng 8 năm 1478 (AL), quân đội nhà Lê gồm 18 vạn quân chia thành 5 hướng tấn công Lão Qua. Cuộc chiến kéo dài hơn 5 tháng từ Nghệ An đến tận vùng biên giới Lão Qua giáp với tỉnh Vân Nam – Trung Quốc. Đầu năm 1479, quân đội Đại Việt nhận được 30 vạn quân viện binh do Lê Niệm dẫn đầu, với binh lực áp đảo, quân nhà Lê nhanh chóng tấn công các cứ điểm của Bồn Man và Lão Qua, thủ lĩnh Bồn Man là Lư Cầm Công bỏ chạy rồi chết. Vua Lê Thánh Tông bèn cho Cầm Đông (em Cầm Công) làm Tuyên úy đại sứ, tiếp tục thần phục như cũ, Bồn Man là một phần của Trấn Ninh (Nghệ An). Nước Lão Qua và tiểu quốc Bồn Man từ sau cuộc hành quân này đã bị suy yếu, riêng tiểu quốc Bồn Man quay trở lại là vùng nội thuộc

⁴Theo Đào Duy Anh: “*Đại tướng Chiêm là Bồ Trì Trì đem quân dân vào đất Phan Lung (từ Phan Rang) giữ được hai phần năm nước Chiêm và tự xưng làm vua, rồi sai sứ sang xin Tư Thành cho triều cống. Tư Thành phong cho làm vua Chiêm Thành trên đất từ Đại Lãnh trở vào. Nhưng mong muốn chia thế lực của người Chiêm, Tư Thành cắt đất phía Tây và phía Bắc của Chiêm Thành còn lại đặt làm hai nước Nam Bàn và Hoa Anh. Còn đất Đại Chiêm (Quảng Nam) và Cồ Lũy (Quảng Ngãi) quân ta mới chiếm lại, cùng đất mới chiếm thêm từ miền Hoài Nhân đến đèo Cù Mông thì bị sáp nhập vào nước ta làm đạo Quảng Nam* [1, tr. 33].

⁵Sử nhà Minh gọi vua Lê Thánh Tông là Hạo

⁶Chi tiết này trong Minh sử không khớp với Đại Việt sử ký toàn thư, tác giả cho rằng vua Lê Thánh Tông trả lời như vậy để nhà Minh không có cơ gây phiền nhiễu Đại Việt liên quan đến cái chết của Trà Toàn.

⁷Lão Qua hay còn gọi là Lan Xang, theo âm Hán Việt thì gọi là Nam Chương hay Vạn Tượng (1354 – 1695), một vương quốc theo tư tưởng Phật Giáo, tiền thân của Lào ngày nay.

⁸Vùng đất thuộc tỉnh Xiêng Khoảng ngày nay.

của Đại Việt, theo Lê Thành Khôi thì: “*Các cuộc chiến này đã mở rộng biên giới Đại Việt về phía Nam và làm tăng uy tín của Đại Việt trên khắp vùng Đông Nam châu Á*” [5, tr. 285]. Theo Phan Huy Lê thì: “*Từ sau những cuộc chinh chiến này, Bồn Man tiếp tục tồn tại như một phủ, tức phủ Trấn Ninh của nước Đại Việt và quan hệ giao hiếu với Lan Xang được lập lại*” [3, tr. 371].

Như vậy có thể nhận thấy, quan hệ ngoại giao giữa nhà Lê dưới triều vua Lê Thánh Tông với Lão Qua xoay quanh cuộc hành quân lớn của Đại Việt vào đất Lão Qua⁹ khi những nỗ lực ngoại giao thất bại. Vấn đề Bồn Man là điểm mấu chốt trong quan hệ ngoại giao của hai nước, khi Lão Qua và Bồn Man vượt khỏi phạm vi ảnh hưởng của Đại Việt thì vua Lê Thánh Tông đã sử dụng biện pháp quân sự, qua đó góp phần củng cố vùng biên giới phía Tây, ổn định biên giới với Lão Qua và với vương triều nhà Minh.

2.3. Quan hệ Đại Việt – Đại Minh

Một sự kiện quan trọng vào năm 1474, vùng châu Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang có Hoàng Chương Mã nổi dậy cướp phá. Quân Đại Việt đi dẹp, trong lúc đánh đuổi lại vượt biên giới vào sâu lãnh thổ Vân Nam, lúc này “*Nhà Minh lại gửi thư trách, Lê Thánh Tông bèn gửi thư xin lỗi. Để giữ yên mặt Nam, trấn thủ Vân Nam của nhà Minh là Vương Thử đề nghị tạm ngừng thu thuế cho dân phủ Lâm An (Vân Nam) và điều 4000 quân thay nhau canh phòng. Vua Minh Hiến Tông cho rằng nếu tăng quân sẽ khiến Đại Việt “nảy sinh hiềm khích” nên chỉ hạ lệnh tạm ngừng thu thuế cho dân vùng biên*” [8, tr. 290]. Tiếp theo đó, năm 1479, trong khi tiến đánh Lão Qua, vua Lê Thánh Tông sai 800 quân lấy cờ đuôi giặc rồi lán sang huyện Mông Tự (Vân Nam) và dựng doanh trại ở đó, sau thì rút về nhưng sự việc đã khiến nhà Minh lo ngại, tăng cường thêm quân phòng bị, tuy nhiên không thấy nhà Minh có phản ứng mạnh trong vấn đề này. Nhà Minh chỉ ra lệnh cho các quan trấn thủ phải tăng cường phòng bị và quân lính ở biên giới Vân Nam “*không được giao thiệp với người Di*”, triều đình nhà Minh gửi thư cho nhà Lê đề nghị thông báo về cuộc tiến công vào Lão Qua chứ không thể hiện thái độ nước lớn trong vấn đề xung đột Đại Việt – Lão Qua hay tỏ thái độ bênh vực Lão Qua. Minh Sử chép: “*Mùa đông năm thứ 15 (1479), Hạo sai quân hơn tám trăm người, vượt địa giới Mông Tự, Vân Nam, đánh tiếng là bắt cướp, tự ý lập doanh, dựng nhà mà ở... Hoàng đế cho triều đình nghị bàn, triều đình xin lệnh cho Quảng Tây Bó Chính ty truyền hịch để Hạo thu quân, đồng thời quan trấn thủ Vân Nam, Lương Quảng canh phòng biên giới nghiêm ngặt mà thôi*” [2, tr. 110].

Trong quan hệ với nhà Minh, để giữ uy thế quốc gia, vua Lê Thánh Tông rất chú trọng về nghi thức ngoại giao, cụ thể năm 1480: “*Về giấy tờ bang giao, vua trước hết sai quan Hàn Lâm Viện soạn thảo rồi trao xuống cho Đông Các xem, sau lại đưa cho triều thần xem. Nếu có ý gì khác thì cho sửa lại. Vì thế, người Minh thường khen rằng nước ta có nhiều người giỏi*” [4, tr. 511]. Năm 1488, vua quy định: “*Các công, hầu, bá, phò mã và các quan văn võ phải may sẵn áo tơ sa Trữ La màu xanh, có cổ áo bằng lụa, dài cách đất một tấc, ống tay áo rộng một thước hai tấc, còn quan hộ vệ thì dùng chấy y, dài cách đất chín tấc, tay hẹp*

như kiểu cũ. Tất cả đều phải dùng bố tử đi hia, màu sắc phải tươi sáng, không được dùng những thứ cũ, xấu để đợi tiếp sứ nhà Minh” [4, tr. 533].

Theo ghi chép của Trần Trọng Kim: “*nước ta bấy giờ có lệ xưng thần với nhà Minh, nhưng vua Lê Thánh Tông vẫn hết lòng phòng bị mặt Bắc. Thịnh thoàng có những thổ dân sang quấy nhiễu, thì lập tức vua cho quan quân lên dẹp yên và cho sứ sang Trung Quốc để phân giải mọi sự cho mình bạch. Có lần được tin có người nhà Minh đem quân qua địa giới, Thánh Tông liền cho người đi dò thám thực hư. Ông thường bảo với triều thần: “ta phải giữ gìn cho cẩn thận, đừng để cho ai lấy mất một phân núi, một tấc sông của vua Thái Tổ để lại”. Ngài có lòng vì nước như thế, nên nhà Minh dẫu có muốn dòm ngó cũng chẳng dám làm gì. Và lại quân Đại Việt bấy giờ đi đánh Lào, dẹp Chiêm nên thanh thế bao nhiêu, nhà Minh cũng phải lấy lễ nghĩa mà đãi Đại Việt, quan hệ giữa hai nước vẫn được hoà bình*” [6, tr. 210].

Trong quan hệ buôn bán ngoại thương với nhà Minh và các quốc gia lân cận, theo Nguyễn Văn Kim: “*Vào thời Lê (1428-1527), 64 sứ đoàn (kể cả những chuyến đi ngoại lệ) đã được cử đến triều Minh. Mặc dù các cống phẩm thường được ghi nhận là: vàng, bạc biểu 34 lần, ngựa 4 lần, ngà voi và sừng tê 4 lần và gỗ quý 3 lần nhưng số lượng và giá trị của những loại hàng hoá trao đổi đem theo cùng với các sứ đoàn thì lại không được ghi chép. Những sứ đoàn đó đều đã thực sự tham gia vào những việc buôn bán riêng tư*” [7]. Từ nửa cuối thế kỷ XV đến thế kỷ XVI, nhà Minh từng bước thực hiện chính sách “*Hải cấm*” nhằm chống giặc Oa Khấu nên quan hệ buôn bán bằng đường biển giữa hai nước bị đình trệ, chủ yếu là buôn bán bằng đường bộ.

Triều vua Lê Thánh Tông tuy không ngăn cấm buôn bán với bên ngoài nhưng kiểm soát rất chặt chẽ việc giao thương. Thuyền buôn và các thương nhân nước ngoài chịu sự giám sát nghiêm ngặt và chỉ được đến buôn bán tại các địa điểm quy định như Vân Đồn, Vạn Ninh (Quảng Ninh), Cần Hải (Nghệ An), Hội Thống, Hội Triều (Hà Tĩnh, Thanh Hóa), trên bộ thì chỉ được phép buôn bán ở Thông Lĩnh (Lạng Sơn), Phú Lương, Tam Kỳ (Tuyên Quang), Trúc Hoa (Sơn Tây). Nhìn chung nền kinh tế thời kỳ này mang tính hướng nội, thương nghiệp với sự hình thành nhiều chợ làng và sự phát triển các làng thủ công như Yên Thái, Nghi Tàm, Hà Tân, Ngũ Xá, Bát Tràng... chỉ thúc đẩy buôn bán trong nước. Thời nhà Lê có hiện tượng “*phạt tiền rất nặng những quan lại và người dân vùng duyên hải tự ý mua hàng hóa hoặc đón tiếp người nước ngoài*” [8, tr. 335]. Do đó, chính sách ngoại giao không hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của thương nghiệp, buôn bán hàng hóa.

3. Một số nhận xét về ngoại giao Đại Việt dưới thời vua Lê Thánh Tông

Thời vua Lê Thánh Tông, nền ngoại giao có bước phát triển vượt bậc, khẳng định vị thế của nhà nước quân chủ Đại Việt trong khu vực. Với một đường lối ngoại giao toàn diện, chủ động, linh hoạt, khôn khéo và uyển chuyển, vua Lê Thánh Tông đã không những tạo dựng được mối quan hệ hòa hảo, tốt đẹp với triều Minh ở phương Bắc mà còn khuếch trương thế lực và tầm ảnh hưởng của Đại Việt đối

⁹Minh Sử ước tính số quân đánh Lão Qua của Đại Việt là 23 vạn, nhưng theo Đại Việt Sử ký toàn thư thì qua hai lần huy động con số lên đến 48 vạn quân.

với các khu vực ở phía Tây và phía Nam. Trên cơ sở chi phối của đặc điểm chung này, khi đi vào nghiên cứu hoạt động ngoại giao của nhà Hậu Lê dưới thời vua Lê Thánh Tông, có thể rút ra những nhận xét như sau:

Ngoại giao gắn liền với sức mạnh quân sự để mở rộng lãnh thổ về phía Nam: Trong giai đoạn trị vì của mình, vua Lê Thánh Tông bằng sức mạnh quân sự đã thực hiện các cuộc chiến tranh với quy mô lớn nhằm mục đích mở rộng lãnh thổ, bảo vệ biên giới, lãnh thổ. Cuộc chiến tranh với Chiêm Thành là một nỗ lực lớn của nhà Lê kéo dài 2 năm với 25 vạn quân gồm cả quân thủy bộ. Kết thúc cuộc chiến tranh này, lãnh thổ Đại Việt được mở rộng về phía Nam bất chấp những phản đối của nhà Minh. Có thể nói, bắt đầu từ thời vua Lê Thánh Tông đã hoàn thành một bước rất quan trọng công cuộc “Nam tiến” của dân tộc.

Ngoại giao vừa kiên quyết, vừa mềm dẻo kết hợp với rắn đe quân sự để bảo vệ biên giới phía Bắc: Quan hệ với Trung Quốc mà cụ thể là các triều đại quân chủ Trung Quốc luôn là mối quan tâm hàng đầu của các triều đại quân chủ Việt Nam. Trong giai đoạn này, dù vẫn thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo như các vị vua đời trước như nhận xưng thần, triều cống nhưng vua Lê Thánh Tông rất cương quyết trong bảo vệ biên giới và thể hiện tư tưởng độc lập dân tộc rất rõ ràng, trong lời dặn dò quan trấn thủ biên giới Lê Cảnh Huy, ông nhấn mạnh: “*Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại tự tiện vứt bỏ? Ngươi phải cương quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu ngươi dám đem một tấc đất của vua Thái Tổ để lại làm môi cho giặc, thì tội phải tru di*” [4, tr. 489]. Trong lần đưa quân tấn công Lão Qua, dù quân đội nhà Lê tiến quân sát vùng Vân Nam, vua Minh cũng không thể gây sức ép lên vua Lê Thánh Tông, kết thúc cuộc chiến này, Bồn Man và Lão Qua vẫn là vùng chịu ảnh hưởng lớn của Đại Việt. Lão Qua dù đang trong thời hưng thịnh nhất nhưng vẫn đóng vai trò là một “vùng đệm quân sự” ở phía Tây ngăn cách lãnh thổ Đại Việt với nhà Minh. Như vậy, xác lập vị thế ngoại giao thông qua sức mạnh quân sự đã thể hiện rõ chính sách ngoại giao vừa kiên quyết, vừa mềm dẻo kết hợp với rắn đe quân sự để bảo vệ biên giới phía Bắc của vua Lê Thánh Tông.

Ngoại giao chưa hỗ trợ cho sự phát triển của ngoại thương: Dù là một triều đại hưng thịnh bậc nhất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam với một nền ngoại giao rực rỡ, đây sức mạnh nhưng nó vẫn chứa đựng những hạn chế nhất định, nhất là chính sách ngoại giao chưa thật sự hỗ trợ cho sự phát triển của ngoại thương. Đối với Ngoại thương: “*nhà Lê không ngăn cấm nhưng chủ trương cần kiểm soát chặt chẽ để bảo vệ an ninh và chủ quyền quốc gia... thuyền buôn nước ngoài cập bến phải xin phép mới được ở lại buôn bán, người Vân Đồn mua hàng hóa đem đi các nơi cũng phải xin giấy của An phủ ty và Đề bạc ty*” [3, tr. 365]. Trong giai đoạn này, Nhật Bản cùng với Java là những quốc gia lân cận có các hoạt động trao đổi hàng hóa, buôn bán tập nập nhưng nhà Lê vẫn không chú trọng vào buôn bán với những quốc gia xung quanh mà chỉ chú trọng phát triển nông nghiệp, xem nông nghiệp là chủ đạo và các hoạt động ngoại giao vẫn chủ yếu xoay quanh các hoạt động mở

rộng lãnh thổ mà không chú trọng đến đẩy mạnh buôn bán, trao đổi với bên ngoài, kể cả việc buôn bán với nhà Minh trên bộ. Theo Đào Duy Anh thì: “*nhà Lê hạn chế ngoại thương chặt chẽ hơn nhà Lý và nhà Trần. Nhà vua sợ người gian phi có thể nhân sự thông thương mà ám thông với ngoại quốc để mưu phản quốc, nên đề phòng rất ngặt*” [1, tr. 340]. Điều này đã góp phần khiến cho thương nghiệp Đại Việt ở thế kỷ XV thiếu sự phát triển đồng bộ với sự phát triển chung của quốc gia, hoạt động ngoại thương thời Lê Thánh Tông một lần nữa cho thấy xu hướng “*hướng nội*” của kinh tế Đại Việt trong thời Lê Sơ.

4. Kết luận

Dưới thời trị vì của vua Lê Thánh Tông, nước Đại Việt đã đạt được những thành tựu lớn không chỉ trong lĩnh vực chính trị - văn hóa, kinh tế - xã hội mà còn trong ngoại giao. Với sức mạnh quân sự và tầm nhìn ngoại giao chiến lược, triều đại Lê Thánh Tông đã mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử Việt Nam.

Sử thần Vũ Quỳnh trong Đại Việt sử ký toàn thư đã đánh giá về ngoại giao Đại Việt thời vua Lê Thánh Tông như sau: “*Vua lại nghĩ giặc Chiêm đời đời là mối lo của ta, ngày nay không diệt đi, sau này làm gì được nó. Thế là phía Nam thì đánh Trà Toàn mà lấy bờ cõi nó, phía Tây thì đánh Nhã Lan mà quét sạch sào huyệt nó. Đánh Sơn Man mà uy thanh vang dội phương Bắc, đánh Bồn Man mà mở đất đai về phía Tây*” [4, tr. 551]. Như vậy, có thể nhận thấy rằng, dưới thời vua Lê Thánh Tông đã thực hiện hàng loạt những sách lược ngoại giao để từng bước mở rộng và củng cố biên giới lãnh thổ Đại Việt thời trung đại. Trần Trọng Kim trong Việt Nam Sử lược cũng đã nhận xét: “*Xem những công việc của vua Thánh Tông thì ngài thật là một đáng anh quân. Những sự văn trị và sự võ công ở nước Nam ta không đời nào thịnh hơn đời Hồng Đức*” [6, tr. 211]. Lời nhận xét trên cũng là lời đánh giá khách quan và đầy ý nghĩa đối với vua Lê Thánh Tông, trong đó, những đóng góp trên lĩnh vực ngoại giao của ông có một vị trí rất quan trọng không chỉ đối với triều Hậu Lê mà còn đối với cả tiến trình lịch sử Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2013.
- [2] Châu Hải Đường (dịch và biên soạn), *An Nam truyện (Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa)*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội, 2018.
- [3] Phan Huy Lê, *Lịch sử và văn hóa Việt Nam – Tiếp cận bộ phận*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, 2012.
- [4] Ngô Sĩ Liên và Vũ Quỳnh, *Đại Việt Sử ký toàn thư (tập 2)*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004.
- [5] Lê Thành Khôi, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, 2014.
- [6] Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử lược*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 2015.
- [7] Nguyễn Văn Kim, *Lê Thánh Tông – Cuộc đời và sự nghiệp qua nhận xét, đánh giá của một số học giả nước ngoài*, ngày truy cập 21/5/2013.
- [8] <https://nghiencuuichsu.com/2013/05/21/vua-le-thanh-tong/>
- [9] Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam (tập 3)*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2007.